

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TỐT NGHIỆP

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNL-ĐT ký ngày tháng năm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 136
Điểm Trung Bình Tích Lũy 2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	VB	TCTG	TBTL	Ghi chú
1	10146027	NGÔ THỊ NHƯ NGỌC	DH10NK	Nữ	05/10/92		136	2.94	

In Ngày 05/03/15

TP.HCM, Ngày 05 tháng 03 năm 2015
HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THI TỐT NGHIỆP

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNL-ĐT ký ngày tháng năm

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 136
Điểm Trung Bình Tích Lũy 2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	VB	TCTG	TBTL	Ghi chú
1	11147077	CAO THỊ QUỲNH NHI	DH11QR	Nữ	20/02/93		136	3.09	

In Ngày 05/03/15

TP.HCM, Ngày 05 tháng 03 năm 2015
HIỆU TRƯỞNG



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật thông tin Lâm nghiệp (DH10KL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

135
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	11170026	HUỖNH DƯƠNG PHÁT AN	DH11KL	122.0	2.72	205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3		133	3.8
						206008	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						206009	Thực tập đồ án 1	2		141	
						206010	Thực tập đồ án 2	2		141	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
2	11170032	NGUYỄN DƯƠNG	DH11KL	127.0	2.71	206008	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						206009	Thực tập đồ án 1	2		141	
						206010	Thực tập đồ án 2	2		141	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
3	11170021	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11KL	116.0	2.44	206008	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						206009	Thực tập đồ án 1	2		141	
						206010	Thực tập đồ án 2	2		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
4	11170009	TỔNG HOÀNG GIANG	DH11KL	130.0	3.00	206008	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						206009	Thực tập đồ án 1	2		141	
						206010	Thực tập đồ án 2	2		141	
5	11170010	TRỊNH HỒNG HẠNH	DH11KL	125.0	2.86	202121	Xác suất thống kê	3		121	2.9
						206008	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						206009	Thực tập đồ án 1	2		141	

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						206010 TH	Thực tập đồ án 2 Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn	2 1	 1	141	
6	11170034	HOÀNG THỊ HIỀN	DH11KL	128.0	3.08	206008 206009 206010	Thực tập nghề nghiệp Thực tập đồ án 1 Thực tập đồ án 2 Nhóm bắt buộc tự chọn	3 2 2 1	 1	141 141 141	
7	11170037	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	DH11KL	126.0	2.98	206008 206009 206010 TH	Thực tập nghề nghiệp Thực tập đồ án 1 Thực tập đồ án 2 Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn	3 2 2 3	 1	141 141 141	
8	11170023	NGUYỄN THỊ LÝ	DH11KL	118.0	3.07	206008 206009 206010 213601 213602 NN	Thực tập nghề nghiệp Thực tập đồ án 1 Thực tập đồ án 2 Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt buộc tự chọn	3 2 2 5 5 1	 1	141 141 141	
9	11170030	VÕ THỊ MỸ	DH11KL	125.0	2.96	205312 206008 206009 206010 TH	Quy hoạch và điều chế rừng Thực tập nghề nghiệp Thực tập đồ án 1 Thực tập đồ án 2 Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn	3 3 2 2 1	 1	133 141 141 141	3.8
10	11170033	HUỖNH VŨ QUÂN	DH11KL	107.0	2.50	202121	Xác suất thống kê	3		121	3.5

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		122	3.7
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3		133	3.8
						206008	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						206009	Thực tập đồ án 1	2		141	
						206010	Thực tập đồ án 2	2		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
11	11170013	ĐỖ TRỌNG VINH	DH11KL	125.0	2.92	206008	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						206009	Thực tập đồ án 1	2		141	
						206010	Thực tập đồ án 2	2		141	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 17 TC (Min)

0101.	205122	Quản lý rừng bền vững	2
	205128	Sinh thái cảnh quan	3
	205214	Trồng rừng	3
	205216	Lâm nghiệp đô thị	2
	205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2
	205406	GIS trong lâm nghiệp	2
	205420	Hệ thống sử dụng đất	2
	205425	Hệ thống nông lâm kết hợp	2
	205426	Mô hình hóa NLKH	2
	206001	Lập trình VB ứng dụng trong LN	3
	206006	Định giá rừng	2
	206007	Mô hình hóa sử dụng đất LN	3
	212507	Đánh giá tác động môi trường	2
	214252	Lập trình mạng	4
	214274	Lập trình trên TB di động	3

	214284 Lập trình C++ trong LINUX	4
	214372 Lập trình .NET	4
	214462 Lập trình Web	4
Nhóm TC 2:	5 TC (Min)	
0201.	214231 Cấu trúc máy tính	2
	214242 Nhập môn hệ điều hành	3
	214321 Lập trình cơ bản	4
	214442 Nhập môn cơ sở dữ liệu	4
Nhóm TC 3:	10 TC (Min)	
0301.	205909 Tiểu luận tốt nghiệp LN	5
	205910 Lâm sinh học	3
	206012 Khóa luận tốt nghiệp	10
	206013 Kỹ thuật thông tin lâm nghiệp	2

In Ngày 05/03/15

TP.HCM, Ngày 05 tháng 03 năm 2015
Người lập biểu



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Chương trình đào tạo ngành Chế biến Lâm sản (DH10CB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

136
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	11115002	MAI HỒ HẢI	DH11CB	14.0	1.48	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202109	Toán cao cấp A2	3		112	
						202110	Toán cao cấp A3	3			
						202121	Xác suất thống kê	3		112	V
						202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1		112	
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		112	V
						202622	Pháp luật đại cương	2			
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205512	Keo dán gỗ	2			
						205513	Hóa lâm sản	2			
						205523	Công nghệ mộc	3			
						205526	Công nghệ xẻ	2			
						205529	Công nghệ trang sức bề mặt gỗ	2			
						205530	Công nghệ ván nhân tạo	3			
						205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3			
						205608	Khoa học gỗ	3			
						205609	Nguyên lý cắt gọt	2			
						205610	Công nghệ bảo quản gỗ	2			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205611	Công nghệ sấy gỗ	2			
						205612	Sử dụng máy chế biến	3			
						205709	Quản lý chất lượng sản phẩm	2			
						207100	Chi tiết máy	3			
						207103	Cơ học lý thuyết	3			
						207108	Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật	3			
						207109	Kỹ thuật điện	2			
						207111	Nguyên lý máy	2			
						207113	Sức bền vật liệu	3			
						208454	Quản trị doanh nghiệp	2			
						212339	Kỹ năng giao tiếp	2		112	V
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	18	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
2	11115003	VŨ VĂN HIỂN	DH11CB	105.0	1.93	202121	Xác suất thống kê	3		141	3.0
						202201	Vật lý 1	2		111	3.9
						205530	Công nghệ ván nhân tạo	3		141	
						205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3		141	
						205612	Sử dụng máy chế biến	3		132	3.6
						205709	Quản lý chất lượng sản phẩm	2			
						207103	Cơ học lý thuyết	3		121	2.6
						207113	Sức bền vật liệu	3		122	3.8

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
3	11115004	TRẦN THỊ MAI LINH	DH11CB	100.0	2.15	205530	Công nghệ ván nhân tạo	3			
						205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3			
						207103	Cơ học lý thuyết	3		121	3.8
						207111	Nguyên lý máy	2		122	3.3
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	2		
4	11115011	MAI THỊ TUYẾT NHUNG	DH11CB	98.0	2.26	202110	Toán cao cấp A3	3		141	3.5
						202301	Hóa học đại cương	3		111	3.8
						205530	Công nghệ ván nhân tạo	3		141	
						205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3		141	
						205612	Sử dụng máy chế biến	3		132	3.8
						207103	Cơ học lý thuyết	3		123	3.6
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
5	11115014	NGUYỄN VĂN PHÁP	DH11CB	121.0	2.61	205530	Công nghệ ván nhân tạo	3		141	
						205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
6	11115005	PHAN VŨ MINH PHƯƠNG	DH11CB	128.0	2.81	205530	Công nghệ ván nhân tạo	3		141	
						205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
7	11115013	TRẦN ĐÌNH QUÍ	DH11CB	77.0	1.76	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		121	3.0
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		121	3.5
						205523	Công nghệ mộc	3			
						205530	Công nghệ ván nhân tạo	3			
						205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3			
						205612	Sử dụng máy chế biến	3		132	3.4
						205709	Quản lý chất lượng sản phẩm	2			
						207100	Chi tiết máy	3		132	0.0
						207103	Cơ học lý thuyết	3		121	3.6
						207111	Nguyên lý máy	2		122	2.5
						207113	Sức bền vật liệu	3		131	2.8
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	2		
8	11115009	NGÔ THÀNH SON	DH11CB	130.0	2.81	205530	Công nghệ ván nhân tạo	3		141	
						205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
9	11115006	NGUYỄN HOÀNG SON	DH11CB	121.0	2.91	205530	Công nghệ ván nhân tạo	3		141	
						205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3		141	
						213601	Anh văn 1	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
10	11115012	NGÔ THỊ HUYỀN	THOẠI	DH11CB	130.0	3.01	205530	Công nghệ ván nhân tạo	3		141
							205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3		141
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
11	11115015	TRẦN QUANG	TUẤN	DH11CB	109.0	2.24	205559	Thực tập nghề nghiệp (CBLS)	3		
							207100	Chi tiết máy	3		
							207109	Kỹ thuật điện	2	132	2.3
							207111	Nguyên lý máy	2	131	1.5
							207113	Sức bền vật liệu	3		
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 5 TC (Min)

0101.	202116	Toán rời rạc	3
	202120	Quy hoạch tuyến tính	2
	202202	Thí nghiệm Vật Lý 1	1
	214101	Tin học đại cương	3

Nhóm TC 2: 18 TC (Min)

0201.	205317	Khai thác lâm sản	2
	205403	Ngoại ngữ chuyên ngành	3
	205407	Lâm sản ngoài gỗ	2
	205531	Công nghệ giấy sợi ĐC	2
	205552	Trang trí nội thất	2
	205553	Kết cấu gỗ	2
	205554	Autocad ứng dụng	2
	205555	Thiết kế sản phẩm mộc	2
	205557	Thiết kế xưởng CBG	2
	205614	Kinh tế chế biến lâm sản	2
	205616	ATLĐ và BVMT công nghiệp	2
	205702	Tối ưu hóa	2

	205815 Autocad ứng dụng	3
	207101 Đồ án chi tiết máy	1
	207107 Dung sai và kỹ thuật đo lường	2
	207110 Kỹ thuật điện tử	2
	207121 Vật liệu và công nghệ kim loại	2
	207122 Vẽ cơ khí	2
	207203 Cơ lưu chất	2
	212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 3:	10 TC (Min)	
0301.	205907 Khóa luận tốt nghiệp	10
	205909 Tiểu luận tốt nghiệp LN	5
	205911 Gỗ và xenlulô	3
	205916 Nguyên vật liệu và sản phẩm gỗ	2

In Ngày 05/03/15

TP.HCM, Ngày 05 tháng 03 năm 2015
 Người lập biểu



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Chương trình đào tạo ngành Thiết kế Đồ gỗ Nội thất (DH10GN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

137
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	11169001	HÀN NHỊ QUỐC AN	DH11GN	107.0	2.60	205523	Công nghệ mộc	3		141	
						205555	Thiết kế sản phẩm mộc	2			
						205802	Vật liệu nội thất	2			
						205808	Vẽ phối cảnh	2			
						207113	Sức bền vật liệu	3		131	1.8
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
2	11169002	ĐỖ VĂN ANH	DH11GN	120.0	2.51	202110	Toán cao cấp A3	3		121	3.7
						207100	Chi tiết máy	3		141	
						207108	Hình học họa hình- vẽ kỹ thuật	3		121	3.2
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
3	11169017	NGUYỄN SĨ ĐĂNG	DH11GN	121.0	2.35	207103	Cơ học lý thuyết	3		121	3.6
						207113	Sức bền vật liệu	3		132	1.0
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
4	11169019	NGÔ DUY ĐÔNG	DH11GN	114.0	2.71	207100	Chi tiết máy	3		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
5	11169004	NGUYỄN THỊ KIM HOA	DH11GN	125.0	2.79	205808	Vẽ phối cảnh	2			
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
6	11169026	NGUYỄN THỊ HUƠNG	DH11GN	118.0	2.80	213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
7	11169016	NGUYỄN THỊ HUƠNG	DH11GN	137.0	2.73	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
8	11169021	KHẨU MINH KHA	DH11GN	127.0	2.61	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
9	11169014	ĐOÀN MAI MINH KHÔI	DH11GN	127.0	2.87						
10	11169012	NGUYỄN THANH LIÊM	DH11GN	123.0	2.39	205808	Vẽ phối cảnh	2			
						207111	Nguyên lý máy	2		122	2.0
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
11	11169013	NGUYỄN THÀNH LUÂN	DH11GN	128.0	3.00	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
12	11169031	NGUYỄN HÀ MI	DH11GN	127.0	2.92	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
13	11169005	TRƯƠNG NGỌC MINH	DH11GN	127.0	2.69	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
14	11169006	PHAN TRỌNG NGHĨA	DH11GN	128.0	2.89						
15	11169007	TRẦN MINH NHƯỜNG	DH11GN	120.0	2.54	213601	Anh văn 1	5		112	2.0
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	7	3		
16	11169023	ĐOÀN THỊ KIM OANH	DH11GN	127.0	2.78						
17	11169008	ĐỒNG CHÂU QUANG	DH11GN	127.0	3.00	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
18	11169010	HỒ VĂN THUẬN	DH11GN	119.0	2.68	213601	Anh văn 1	5		112	v
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
19	11169015	LÊ TẤN THƯƠNG	DH11GN	105.0	2.12	205555	Thiết kế sản phẩm mộc	2			
						207100	Chi tiết máy	3		133	3.6
						207103	Cơ học lý thuyết	3		123	V
						207111	Nguyên lý máy	2		141	
						207113	Sức bền vật liệu	3		131	3.5
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
20	11169024	NGUYỄN THỊ THANH	TRUYỀN	114.0	2.61	207103	Cơ học lý thuyết	3		123	2.8
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
21	11169011	ĐÌNH THỊ THU	VÂN	108.0	2.52	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						207100	Chi tiết máy	3		141	
						207113	Sức bền vật liệu	3		131	2.6
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	7	3		
22	11169025	NGUYỄN THỤY TUYẾT	VÂN	122.0	2.83	207111	Nguyên lý máy	2		141	
						207113	Sức bền vật liệu	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 5 TC (Min)

0101.	202609 Logic học	2
	205403 Ngoại ngữ chuyên ngành	3
	205810 Họa hình ứng dụng	2
	205812 Vẽ kỹ thuật ứng dụng	2
	214101 Tin học đại cương	3

Nhóm TC 2: 19 TC (Min)

0201.	205506 Ván nhân tạo đại cương	3
	205526 Công nghệ xẻ	2
	205553 Kết cấu gỗ	2
	205609 Nguyên lý cắt gọt	2
	205610 Công nghệ bảo quản gỗ	2
	205611 Công nghệ sấy gỗ	2
	205612 Sử dụng máy chế biến	3
	205616 ATLĐ và BVMT công nghiệp	2
	205702 Tối ưu hóa	2
	205809 Trang trí cơ bản	2
	205811 Nguyên lý và cấu tạo kiến trúc	2
	205813 Dự toán công trình nội thất	2
	205814 Thiết kế ngoại thất	2

Nhóm TC 3: 10 TC (Min)

0301.	205907 Khóa luận tốt nghiệp	10
	205909 Tiểu luận tốt nghiệp LN	5
	205911 Gỗ và xenlulô	3
	205915 Đồ gỗ và trang trí nội thất	2

In Ngày 05/03/15

TP.HCM, Ngày 05 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Chương trình đào tạo ngành Nông Lâm Kết hợp (DH10NK)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

136
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	10146004	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	DH10NK	11.0	0.72	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		102	2.0
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		101	0.0
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202112	Toán cao cấp B1	2		101	3.9
						202113	Toán cao cấp B2	2		102	3.5
						202201	Vật lý 1	2		101	2.0
						202401	Sinh học đại cương	2		101	3.8
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		102	V
						202622	Pháp luật đại cương	2			
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205213	Kinh tế nông lâm	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205224	Quản lý dự án lâm nghiệp XH	2			
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205402	Lâm nghiệp xã hội	3			
						205407	Lâm sản ngoài gỗ	2			
						205425	Hệ thống nông lâm kết hợp	2			
						205427	Chẩn đoán và thiết kế NLKH	3			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	16	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
2	10146079	LẠI THỊ THÙY	DUNG	DH10NK	131.0	2.30	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	3		
3	10146029	LÊ HUỖNH YẾN	NHI	DH10NK	136.0	2.69	TH	Chuẩn đầu ra Tin học			
4	10146075	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	DH10NK	13.0	1.13	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202112	Toán cao cấp B1	2		101	2.8
						202113	Toán cao cấp B2	2		102	V
						202121	Xác suất thống kê	3			
						202201	Vật lý 1	2		101	3.2
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2		102	V
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		102	V
						202622	Pháp luật đại cương	2			
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		102	V
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205213	Kinh tế nông lâm	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205224	Quản lý dự án lâm nghiệp XH	2			
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205402	Lâm nghiệp xã hội	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						205407	Lâm sản ngoài gỗ	2				
						205425	Hệ thống nông lâm kết hợp	2				
						205427	Chẩn đoán và thiết kế NLKH	3				
						213601	Anh văn 1	5				
						213602	Anh văn 2	5				
						NN	Chuẩn đầu ra B1					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	1			
5	10146088	TIỀN LÂM	VIỆN	DH10NK	104.0	1.91	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		132	0.8
							202201	Vật lý 1	2		123	1.7
							205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		111	3.0
							205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
							205111	Sinh thái rừng	3			
							205122	Quản lý rừng bền vững	2		131	3.6
							205214	Trồng rừng	3			
							205301	Di truyền và giống cây rừng	3			
							205309	Đo đạc và bản đồ	2		132	2.9
							205316	Điều tra rừng	3			
							205427	Chẩn đoán và thiết kế NLKH	3			
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2			

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 5 TC (Min)

0101.	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1
	202403	Đa dạng sinh học	2
	203203	Di truyền học đại cương	3
	203516	Vì sinh học đại cương	3
	211102	Sinh học phân tử	2

	212110 Khoa học môi trường	2
	214101 Tin học đại cương	3
Nhóm TC 2: 16 TC (Min)		
0201.	205107 Lâm luật và CSLN	2
	205128 Sinh thái cảnh quan	3
	205217 Bảo tồn đa dạng sinh học	2
	205225 Bảo tồn đất và nước trong NLKH	3
	205401 Khuyến lâm	2
	205403 Ngoại ngữ chuyên ngành	3
	205406 GIS trong lâm nghiệp	2
	205414 Truyền thông thúc đẩy	2
	205420 Hệ thống sử dụng đất	2
	205422 Quản lý xí nghiệp vừa và nhỏ	2
	205426 Mô hình hóa NLKH	2
	205429 Tiếp thị sản phẩm NLKH	2
Nhóm TC 3: 10 TC (Min)		
0301.	205215 Nông lâm kết hợp	2
	205906 Khóa luận tốt nghiệp	10
	205909 Tiểu luận tốt nghiệp LN	5
	205910 Lâm sinh học	3

In Ngày 05/03/15

TP.HCM, Ngày 05 tháng 03 năm 2015
Người lập biểu



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Chương trình đào tạo ngành Lâm Nghiệp (DH10LN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

134
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	11114087	NÔNG THÙY ÁNH	DH11LN	131.0	2.77	205314 TH	Thực tập nghề nghiệp Chuẩn đầu ra Tin học	3		141	
2	11114030	PHẠM THỊ THU DIỄM	DH11LN	124.0	3.30	205122 205312 205314	Quản lý rừng bền vững Quy hoạch và điều chế rừng Thực tập nghề nghiệp Nhóm bắt buộc tự chọn	2 3 3 2		141 141	
3	11114001	HUỖNH HUỖNH DIỄU	DH11LN	128.0	2.95	205312 205314 TH	Quy hoạch và điều chế rừng Thực tập nghề nghiệp Chuẩn đầu ra Tin học	3 3		133 141	3.8
4	11114031	TRẦN THỊ THẢO DUNG	DH11LN	126.0	3.18	205312 205314	Quy hoạch và điều chế rừng Thực tập nghề nghiệp Nhóm bắt buộc tự chọn	3 3 2		141	
5	11114070	HỒ NGUYỄN THÁI DUY	DH11LN	79.0	1.82	200107 202201 202301 205122 205202 205214 205308 205309 205312 205314	Tư tưởng Hồ Chí Minh Vật lý 1 Hóa học đại cương Quản lý rừng bền vững Côn trùng lâm nghiệp Trồng rừng Thống kê lâm nghiệp Đo đạc và bản đồ Quy hoạch và điều chế rừng Thực tập nghề nghiệp	2 2 3 2 2 3 3 2 3 3		132 121 111 141 132 141 122 141	3.0 1.5 3.8 1.0 v

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	12	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
6	11114012	HOÀNG ĐÀN	DH11LN	131.0	3.08	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
7	11114002	K' ĐẠT	DH11LN	83.0	1.87	202121	Xác suất thống kê	3		141	3.5
						202201	Vật lý 1	2		121	1.9
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		132	3.2
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	2.5
						205207	Sinh lý thực vật	3		122	1.5
						205214	Trồng rừng	3			
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	7	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
8	11114013	NGUYỄN TẤN ĐỦ	DH11LN	39.0	0.84	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		121	3.2
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		112	3.4
						200201	Quân sự 1 (Lý thuyết)*	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK																					
						200202	Quản sự (thực hành)*	3		131	V																					
						202403	Đa dạng sinh học	2																								
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1																								
						202623	Xã hội học Nông thôn	2				121	3.7																			
						205101	Bảo vệ môi trường	2																								
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2																								
						205111	Sinh thái rừng	3						131	V																	
						205112	Thực vật rừng	3								122	3.7															
						205122	Quản lý rừng bền vững	2																								
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2										122	0.8													
						205212	Động vật rừng	2												131	2.6											
						205213	Kinh tế nông lâm	3														131	V									
						205214	Trồng rừng	3																								
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3																131	V							
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3																		122	V					
						205309	Đo đạc và bản đồ	2																				122	2.3			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3																								
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3																								
						205316	Điều tra rừng	3																								
						213601	Anh văn 1	5																								
						213602	Anh văn 2	5																								
						NN	Chuẩn đầu ra B1																									
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học																									
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3																						1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	17																							2	
9	11114007	LÊ ĐĂNG	HOÀNG	DH11LN	107.0	2.08	205122	Quản lý rừng bền vững	2		132																					3.8

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	1.3
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		122	3.9
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	7	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
10	11170003	PHẠM VĂN HUÂN	DH11LN	30.0	0.87	200201	Quản sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quản sự (thực hành)*	3			
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.1
						202301	Hóa học đại cương	3			
						202403	Đa dạng sinh học	2			
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205101	Bảo vệ môi trường	2		141	2.1
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		122	1.8
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3		141	2.1
						205112	Thực vật rừng	3		141	2.7
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		122	V
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	0.0
						205207	Sinh lý thực vật	3		122	1.5
						205212	Động vật rừng	2			
						205213	Kinh tế nông lâm	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3		132	V
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		122	2.3
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	17	2		
11	11114032	LÊ ĐÌNH KHƯƠNG	DH11LN	80.0	1.69	202113	Toán cao cấp B2	2		112	2.4
						202121	Xác suất thống kê	3		141	3.2
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	2.3
						205213	Kinh tế nông lâm	3		141	1.5
						205214	Trồng rừng	3			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3		121	3.0
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		122	3.0
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						205316	Điều tra rừng	3		132	3.5
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	2		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
12	11114071	HOÀNG THÀNH LINH	DH11LN	65.0	1.73	200201	Quản sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quản sự (thực hành)*	3			
						202121	Xác suất thống kê	3			
						202201	Vật lý 1	2			
						202301	Hóa học đại cương	3		111	2.3
						202401	Sinh học đại cương	2		111	3.7
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		131	V
						202623	Xã hội học Nông thôn	2		131	2.3
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		131	3.6
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	2.0
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3		112	V
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	9	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
13	11114033	VŨ NGỌC LONG	DH11LN	107.0	2.10	202623	Xã hội học Nông thôn	2		121	3.5
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	2.0
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
14	11114073	HỨA QUÝ	LỘC	DH11LN	41.0	1.18	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
							202113	Toán cao cấp B2	2	112	3.6
							202121	Xác suất thống kê	3	131	V
							202201	Vật lý 1	2	121	1.8
							202622	Pháp luật đại cương	2	121	2.8
							202623	Xã hội học Nông thôn	2	121	2.3
							205102	Bệnh hại rừng	2		
							205104	Đất và lập địa	3	122	V
							205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		
							205106	Kỹ thuật lâm sinh	2		
							205111	Sinh thái rừng	3		
							205112	Thực vật rừng	3	131	V
							205122	Quản lý rừng bền vững	2		
							205202	Côn trùng lâm nghiệp	2	112	0.9
							205212	Động vật rừng	2		
							205213	Kinh tế nông lâm	3		
							205214	Trồng rừng	3		
							205301	Di truyền và giống cây rừng	3		
							205308	Thống kê lâm nghiệp	3	122	2.8
							205309	Đo đạc và bản đồ	2	122	2.3

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 8

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	15	2		
15	11114017	LÊ TẤN LỘC	DH11LN	48.0	1.18	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	3.2
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		111	3.6
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		121	3.2
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.7
						202121	Xác suất thống kê	3		121	2.0
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		131	3.9
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205112	Thực vật rừng	3		122	1.2
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		141	
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	0.5
						205207	Sinh lý thực vật	3		122	1.5
						205213	Kinh tế nông lâm	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3		141	V
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3		122	V
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		122	2.1
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 9

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205316	Điều tra rừng	3			
						213601	Anh văn 1	5		132	V
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	15	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
16	11114062	ĐÀO VĂN LỢI	DH11LN	111.0	2.62	205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	2.8
						205207	Sinh lý thực vật	3		122	V
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
17	11114034	NGUYỄN VĂN LUÂN	DH11LN	85.0	1.79	202113	Toán cao cấp B2	2			
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		112	1.0
						205207	Sinh lý thực vật	3		122	1.5
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		122	3.0
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						205316	Điều tra rừng	3			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 10

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	4		
18	11114018	ĐẶNG TUẤN LỰC	DH11LN	92.0	2.40	202113	Toán cao cấp B2	2		122	3.5
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	2.8
						205214	Trồng rừng	3		141	
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3		133	1.8
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						205316	Điều tra rừng	3		132	V
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	4		
19	11114035	NGUYỄN SƠN NAM	DH11LN	108.0	2.15	205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		132	3.7
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	2.0
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						205316	Điều tra rừng	3			
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 11

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
20	11114019	TRẦN VĂN NAM	DH11LN	59.0	1.33	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202121	Xác suất thống kê	3		121	2.0
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		122	V
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3		141	V
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		132	1.4
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	1.5
						205207	Sinh lý thực vật	3		122	1.5
						205214	Trồng rừng	3			
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						205316	Điều tra rừng	3			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	17	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
21	11114081	NGUYỄN THỊ NGÂN	DH11LN	126.0	3.07	205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 12

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
22	11114003	TRƯƠNG TRẦN MINH PHÁT	DH11LN	96.0	1.96	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		132	2.4
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		141	
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	0.8
						205214	Trồng rừng	3		141	
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						205316	Điều tra rừng	3			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3		
23	11114038	VÕ SONG QUÝ	DH11LN	124.0	2.54	202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.5
						202121	Xác suất thống kê	3		133	3.3
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	3.8
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
24	11114023	TRẦN THỊ HƯƠNG QUỲNH	DH11LN	81.0	2.08	205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		132	3.8
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	3.8
						205214	Trồng rừng	3			
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		132	3.9
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 13

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						205316	Điều tra rừng	3			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	2		
25	11114026	ĐẶNG TẤN SĨ	DH11LN	95.0	2.42	200201	Quản sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quản sự (thực hành)*	3			
						202113	Toán cao cấp B2	2		132	3 . 4
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		132	2 . 6
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205214	Trồng rừng	3			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	4		
26	11114004	NGUYỄN NGỌC TÂN	DH11LN	121.0	2.99	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
27	11114039	ĐẬU HOÀI THANH	DH11LN	127.0	2.47	205122	Quản lý rừng bền vững	2		132	3 . 4
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
28	11114059	NGUYỄN XUÂN HOÀI THANH	DH11LN	61.0	1.41	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		131	2 . 4

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 14

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	2.2
						202201	Vật lý 1	2		112	2.9
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2		131	3.3
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		112	V
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		132	2.5
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	2.8
						205213	Kinh tế nông lâm	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3		122	0.0
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		132	2.1
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						205316	Điều tra rừng	3			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	15	2		
29	11114008	TRẦN NHI THANH	DH11LN	128.0	2.70	205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3		133	3.6
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
30	11114074	VÕ PHAN THANH THẢO	DH11LN	131.0	3.20	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
31	11114075	ĐOÀN THỊ THE	DH11LN	125.0	2.86	205214	Trồng rừng	3		141	

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						205301	Di truyền và giống cây rừng	3				
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141		
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
32	11114109	LÊ NGỌC	THÍCH	DH11LN	129.0	2.42	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2			
33	11114053	KSOR	THỨC	DH11LN	115.0	2.36	205122	Quản lý rừng bền vững	2		132	3 . 4
							205214	Trồng rừng	3		141	
							205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	2			
							Nhóm bắt buộc tự chọn	8	3			
34	11114077	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	DH11LN	131.0	2.85	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
35	11114006	ĐÀO THỊ KIM	TUYẾT	DH11LN	124.0	3.18	205122	Quản lý rừng bền vững	2		141	
							205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
							205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2			
36	11114056	PHÙNG THỊ THÙY	VÂN	DH11LN	129.0	2.97	202201	Vật lý 1	2		123	3 . 6
							205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
37	11114042	NGÔ TÙNG	VI	DH11LN	95.0	2.42	205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
							205122	Quản lý rừng bền vững	2			
							205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	3 . 3
							205212	Động vật rừng	2			
							205214	Trồng rừng	3			
							205314	Thực tập nghề nghiệp	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 16

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	4		
38	11114086	BÙI THỊ KIM YẾN	DH11LN	121.0	2.89	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 5 TC (Min)

0101.	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1
	203203	Di truyền học đại cương	3
	203516	Vì sinh học đại cương	3
	211102	Sinh học phân tử	2
	212110	Khoa học môi trường	2
	214101	Tin học đại cương	3

Nhóm TC 2: 17 TC (Min)

0201.	205107	Lâm luật và CSLN	2
	205115	Phòng chống cháy rừng	2
	205215	Nông lâm kết hợp	2
	205216	Lâm nghiệp đô thị	2
	205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2
	205222	Kỹ thuật nhân giống cây rừng	3
	205317	Khai thác lâm sản	2
	205401	Khuyến lâm	2
	205402	Lâm nghiệp xã hội	3
	205403	Ngoại ngữ chuyên ngành	3
	205406	GIS trong lâm nghiệp	2
	205407	Lâm sản ngoài gỗ	2

Nhóm TC	3:	10 TC (Min)	
0301.	205906	Khóa luận tốt nghiệp	10
	205909	Tiểu luận tốt nghiệp LN	5
	205910	Lâm sinh học	3
	205918	Kỹ thuật lâm sinh nhiệt đới	2
Nhóm TC	4:	2 TC (Min)	
0401.	202112	Toán cao cấp B1	2
	902112	Toán cao cấp B1	3

In Ngày 05/03/15

TP.HCM, Ngày 05 tháng 03 năm 2015
Người lập biểu



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Chương trình đào tạo ngành Quản lý Tài nguyên rừng (DH11QR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

136
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	11147125	NGUYỄN KHANG AN	DH11QR	41.0	1.12	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	3.0
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		121	2.2
						202112	Toán cao cấp B1	2		111	2.3
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	
						202121	Xác suất thống kê	3		121	0.0
						202201	Vật lý 1	2		112	1.1
						202622	Pháp luật đại cương	2		131	3.8
						205101	Bảo vệ môi trường	2		112	0.3
						205102	Bệnh hại rừng	2		122	V
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205112	Thực vật rừng	3		122	V
						205115	Phòng chống cháy rừng	2		131	3.2
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	V
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2		132	V
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3		122	V
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2		131	0.5
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	11	2		
2	11147102	ĐẶNG THỊ NGUYỆT ÁNH	DH11QR	121.0	2.58	205214	Trồng rừng	3		141	
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
3	11147128	PHẠM ĐÌNH BẢO	DH11QR	123.0	2.82	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
4	11147062	TRẦN QUỐC BẢO	DH11QR	115.0	2.43	205102	Bệnh hại rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
5	11147173	LÃNG THỊ CÁN	DH11QR	87.0	2.15	202112	Toán cao cấp B1	2		131	1.9
						202121	Xác suất thống kê	3		141	3.2

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202301	Hóa học đại cương	3		111	3.9
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		141	
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	1.8
						205214	Trồng rừng	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
6	11147115	TRẦN ĐÌNH CẦU	DH11QR	26.0	1.36	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	3.4
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.9
						202121	Xác suất thống kê	3		113	
						202201	Vật lý 1	2		112	2.6
						202301	Hóa học đại cương	3		111	3.6
						202401	Sinh học đại cương	2		111	3.5
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2			
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		113	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2			
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
7	11147095	VÕ THỊ KIM	CHÂU	DH11QR	28.0	1.15	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		
							202121	Xác suất thống kê	3	121	0.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202201	Vật lý 1	2		121	2.5
						202401	Sinh học đại cương	2		111	2.5
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2		122	
						205104	Đất và lập địa	3		122	V
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		122	V
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3		122	V
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	
						205207	Sinh lý thực vật	3		122	V
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		122	V
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2			
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	17	2		
8	11147103	TUÔNG VĂN CHÍ	DH11QR	95.0	2.26	205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	3.0
						205214	Trồng rừng	3			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						205417	Quản lý lưu vực	2		141	
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
9	11147089	TRƯƠNG CÔNG CHUNG	DH11QR	32.0	0.98	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		121	3.0
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		121	2.8
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202121	Xác suất thống kê	3		123	V
						202201	Vật lý 1	2		123	1.0
						202622	Pháp luật đại cương	2		121	3.5
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205104	Đất và lập địa	3		131	✓
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		131	✓
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3		131	✓
						205112	Thực vật rừng	3		131	✓
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3		131	✓
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		122	2.6
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2		131	✓
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	11	2		
10	11147065	NGUYỄN DUY	DANH	DH11QR	107.0	2.30	205121	Quản lý sử dụng đất	2		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 8

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205214	Trồng rừng	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
11	11147066	NGUYỄN THÁI DANH	DH11QR	122.0	2.32	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	1	2		
12	11147104	BÙI VĂN DÂN	DH11QR	133.0	3.00	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
13	11147130	ĐỖ THỊ DIỄM	DH11QR	134.0	3.33	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
14	11147131	NGUYỄN KIỀU DIỄM	DH11QR	111.0	2.97	205214	Trồng rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
15	11147129	HOÀNG THỊ DIÊN	DH11QR	134.0	3.03	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
16	11147097	TRẦN THỊ DINH	DH11QR	124.0	2.88	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
17	11147009	DƯƠNG CHÍ DŨNG	DH11QR	122.0	2.42	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	1	2		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 9

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
18	11147011	PHÙNG ANH DŨNG	DH11QR	87.0	1.54	202112	Toán cao cấp B1	2		121	3.8
						202121	Xác suất thống kê	3		123	3.5
						202301	Hóa học đại cương	3		111	3.2
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		112	V
						205112	Thực vật rừng	3		141	3.8
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		141	
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	2.5
						205207	Sinh lý thực vật	3		133	2.5
						205214	Trồng rừng	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						205417	Quản lý lưu vực	2		141	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
19	11147008	NGUYỄN ĐẶNG THANH DUY	DH11QR	10.0	1.10	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	V
						202121	Xác suất thống kê	3			
						202201	Vật lý 1	2		112	
						202301	Hóa học đại cương	3		111	3.1
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 10

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202621	Xã hội học đại cương	2			
						202622	Pháp luật đại cương	2		112	v
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2			
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 11

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	1		
20	11147123	ĐOÀN MINH DƯƠNG	DH11QR	23.0	1.57	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202112	Toán cao cấp B1	2		111	2.0
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.6
						202121	Xác suất thống kê	3			
						202201	Vật lý 1	2		112	2.0
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2			
						202621	Xã hội học đại cương	2			
						202622	Pháp luật đại cương	2			
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		112	1.2
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 12

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2				
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3				
						205309	Đo đạc và bản đồ	2				
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3				
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3				
						205316	Điều tra rừng	3				
						205417	Quản lý lưu vực	2				
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2				
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2				
						213601	Anh văn 1	5				
						213602	Anh văn 2	5				
						NN	Chuẩn đầu ra B1					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1			
21	11147171	TRẦN THỊ ANH	ĐÀO	DH11QR	13.0	1.53	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	v
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3			
							202113	Toán cao cấp B2	2		112	v
							202121	Xác suất thống kê	3			
							202201	Vật lý 1	2			
							202416	Thực vật học và phân loại TV	2			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		112	v
							202621	Xã hội học đại cương	2			
							202622	Pháp luật đại cương	2			
							202623	Xã hội học Nông thôn	2			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 13

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2			
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 14

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
22	11147013	DƯƠNG VĂN ĐỨC	DH11QR	89.0	1.86	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	2.4
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	V
						202401	Sinh học đại cương	2		111	3.7
						202622	Pháp luật đại cương	2		131	3.5
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2		141	3.5
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	1.5
						205214	Trồng rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						205417	Quản lý lưu vực	2		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
23	11147137	LÊ THỊ HÀ	GIANG	134.0	3.16	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
24	11147068	ĐÌNH SƠN	HÀ	109.0	2.36	202113	Toán cao cấp B2	2		132	3.8
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3		133	3.8
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
25	11147133	HOÀNG THỊ	HIỀN	134.0	2.74	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 15

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
26	11147016	HÀ HUY HOÀNG	DH11QR	112.0	2.33	202112	Toán cao cấp B1	2		121	3.8
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
27	11147018	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DH11QR	96.0	2.05	205121	Quản lý sử dụng đất	2			3.5
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		132	
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	
						205214	Trồng rừng	3		141	1.0
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						205417	Quản lý lưu vực	2		141	
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	1	2		
28	11147117	PHAN THANH HÙNG	DH11QR	109.0	2.22	205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	2.0
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 16

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
29	11147020	LỮ MINH HƯNG	DH11QR	19.0	0.91	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	2.4
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		121	v
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202121	Xác suất thống kê	3		121	0.0
						202201	Vật lý 1	2		112	1.6
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		111	2.0
						202621	Xã hội học đại cương	2		112	
						202623	Xã hội học Nông thôn	2		121	0.0
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3		121	0.0
						205112	Thực vật rừng	3			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 17

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2			
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	1		
30	11147071	TRẦN ĐỨC	KHẢI	DH11QR	121.0	2.71	205214	Trồng rừng	3		141
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
31	11147153	NGUYỄN CÔNG	KHANH	DH11QR	120.0	2.55	205214	Trồng rừng	3		
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
32	11147023	LÊ DUY	KIỆT	DH11QR	134.0	2.83	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
33	11147180	DƯƠNG THỊ	LÊ	DH11QR	25.0	1.49	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.6
						202121	Xác suất thống kê	3		121	v

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 18

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202201	Vật lý 1	2		112	
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2		121	V
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3		121	0.0
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2		121	0.0
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2		121	0.0
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 19

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
34	11147116	NGUYỄN TRẦN ĐỨC LINH	DH11QR	11.0	0.75	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	V
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		121	V
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202112	Toán cao cấp B1	2		111	3.0
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.1
						202121	Xác suất thống kê	3			
						202201	Vật lý 1	2		112	
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2		121	V
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		112	V
						202621	Xã hội học đại cương	2		121	V
						202622	Pháp luật đại cương	2		112	V
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 20

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2			
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	1		
35	11147024	KHƯƠNG VĂN LONG	DH11QR	103.0	2.10	205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	2.8
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3		141	
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 21

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
36	11147156	PHAN THỊ LƯƠNG	DH11QR	134.0	2.80	205314 TH	Thực tập nghề nghiệp Chuẩn đầu ra Tin học	3		133	
37	11147027	ĐỖ THỊ KHÁNH LY	DH11QR	112.0	2.35	202112 205314 213601 213602 NN TH	Toán cao cấp B1 Thực tập nghề nghiệp Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học	2 3 5 5		123 133	2.7
38	11147028	LÊ THỊ MAI	DH11QR	134.0	3.06	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
39	11147091	ĐINH TUẤN MẠNH	DH11QR	99.0	2.12	200104 202112 202201 202502 205106 205121 205202 205217 205312 205314 205316 205417 TH	Đường lối CM của Đảng CSVN Toán cao cấp B1 Vật lý 1 Giáo dục thể chất 2* Kỹ thuật lâm sinh Quản lý sử dụng đất Côn trùng lâm nghiệp Bảo tồn đa dạng sinh học Quy hoạch và điều chế rừng Thực tập nghề nghiệp Điều tra rừng Quản lý lưu vực Chuẩn đầu ra Tin học	3 2 2 1 2 2 2 2 3 3 3 2		141 133 133 122 112 132 141 133 141	3.8 3.6 V V 2.3 3.5
40	11147157	NGUYỄN DUY NAM	DH11QR	23.0	1.41	200107 200201 200202	Tư tưởng Hồ Chí Minh Quân sự 1 (lý thuyết)* Quân sự (thực hành)*	2 3 3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 22

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	v
						202121	Xác suất thống kê	3			
						202622	Pháp luật đại cương	2			
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2			
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 23

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
						213601	Anh văn 1	5				
						213602	Anh văn 2	5				
						NN	Chuẩn đầu ra B1					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	5	1			
41	11147122	PHAN THỊ HẰNG	NGA	DH11QR	123.0	2.70	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
42	11147140	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH11QR	115.0	2.63	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5				
						213602	Anh văn 2	5				
						NN	Chuẩn đầu ra B1					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
43	11147034	TRẦN QUỐC	NGHĨA	DH11QR	122.0	2.98	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5				
						213602	Anh văn 2	5				
						NN	Chuẩn đầu ra B1					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học					
							Nhóm bắt buộc tự chọn	1	2			
44	11147075	HÀ THẾ	NGUYỄN	DH11QR	89.0	1.93	202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.9
						202301	Hóa học đại cương	3		111	3.5	
						205121	Quản lý sử dụng đất	2				
						205122	Quản lý rừng bền vững	2				
						205214	Trồng rừng	3				
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		131	3.5	
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3				
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 24

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205316	Điều tra rừng	3		132	3.4
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
45	11147094	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	DH11QR	108.0	2.31	205214	Trồng rừng	3		141	
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						205417	Quản lý lưu vực	2		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
46	11147101	NGUYỄN TUYẾT NHUNG	DH11QR	131.0	2.71	202201	Vật lý 1	2		112	2.6
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
47	11147078	TRẦN THỊ QUỲNH	DH11QR	120.0	2.72	202201	Vật lý 1	2		112	3.5
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	1	2		
48	11147002	ĐOÀN NHẬT NINH	DH11QR	103.0	2.21	205214	Trồng rừng	3			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 25

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	3		
49	11147149	ĐỖ THỊ HỒNG PHÚC	DH11QR	120.0	2.66	205214	Trồng rừng	3		141	
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
50	11147037	NGUYỄN VĂN PHỤNG	DH11QR	70.0	1.70	202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.8
						202121	Xác suất thống kê	3		121	2.8
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205112	Thực vật rừng	3		122	3.3
						205115	Phòng chống cháy rừng	2		131	3.6
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2		132	1.8
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	0.5
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2		141	V
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		141	
						205316	Điều tra rừng	3		132	V

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 26

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205417	Quản lý lưu vực	2		141	
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2		131	1.0
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2		141	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	6	2		
51	11147142	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH11QR	134.0	2.70	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
52	11147124	ĐÌNH VĂN QUANG	DH11QR	26.0	1.21	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	3.8
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		121	V
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	2.6
						202121	Xác suất thống kê	3		112	3.2
						202201	Vật lý 1	2		112	2.1
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		112	V
						202621	Xã hội học đại cương	2			
						202622	Pháp luật đại cương	2		112	2.3
						202623	Xã hội học Nông thôn	2		121	0.0
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3		121	0.0
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 27

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2			
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1		
53	11147177	PHAN THANH QUÍ	DH11QR	123.0	2.55	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
54	11147080	NGUYỄN TRUNG QUỐC	DH11QR	108.0	2.34	205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205214	Trồng rừng	3		141	
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 28

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
55	11147043	NGUYỄN QUANG SÁNG	DH11QR	18.0	0.78	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		112	3.2
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		121	V
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3			
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	V
						202121	Xác suất thống kê	3			
						202201	Vật lý 1	2		112	
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2			
						202622	Pháp luật đại cương	2		121	3.5
						202623	Xã hội học Nông thôn	2			
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3			
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205111	Sinh thái rừng	3			
						205112	Thực vật rừng	3			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2			
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2			
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 29

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3			
						205309	Đo đạc và bản đồ	2			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2			
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	3	1		
							Nhóm bắt buộc tự chọn	17	2		
56	11147098	HUỖNH THANH SON	DH11QR	90.0	2.08	202121	Xác suất thống kê	3		132	3.8
						202623	Xã hội học Nông thôn	2		121	3.9
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205115	Phòng chống cháy rừng	2		141	V
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	1.0
						205214	Trồng rừng	3			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3		133	3.8
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
57	11147045	TRƯƠNG VĂN SON	DH11QR	133.0	2.67	205314 TH	Thực tập nghề nghiệp Chuẩn đầu ra Tin học	3		133	
58	11147082	LÊ QUỐC THÁI	DH11QR	121.0	2.74	205214 205314 TH	Trồng rừng Thực tập nghề nghiệp Chuẩn đầu ra Tin học	3 3		141 133	
59	11147003	HÀ CÔNG THÀNH	DH11QR	118.0	2.71	205214 205314 213601 213602 NN TH	Trồng rừng Thực tập nghề nghiệp Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học Nhóm bắt buộc tự chọn	3 3 5 5 2		141 133	
60	11147081	VÕ VĂN THÀNH	DH11QR	95.0	2.00	205102 205202 205214 205309 205312 205314 205417 205533 213601 213602 NN TH	Bệnh hại rừng Côn trùng lâm nghiệp Trồng rừng Đo đạc và bản đồ Quy hoạch và điều chế rừng Thực tập nghề nghiệp Quản lý lưu vực Kinh tế tài nguyên môi trường Anh văn 1 Anh văn 2 Chuẩn đầu ra B1 Chuẩn đầu ra Tin học	2 2 3 2 3 3 2 2 5 5		132 132 133 141 141	1.3 3.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 31

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
61	11147164	NGUYỄN THỊ THẢO	DH11QR	123.0	2.86	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
62	11147050	PHẠM THỊ THẢO	DH11QR	133.0	2.88	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
63	11147150	VŨ MINH THIÊN	DH11QR	133.0	2.92	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
64	11147084	VŨ THỊ THỦY	DH11QR	124.0	2.84	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
65	11147144	HUỲNH TẤN TIỀN	DH11QR	108.0	2.34	205214	Trồng rừng	3			
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3		133	3.8
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
66	11147053	PHAN THƯƠNG TÍN	DH11QR	133.0	2.67	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
67	11147145	HỒ THỊ THÙY TRANG	DH11QR	32.0	1.50	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.1
						202201	Vật lý 1	2		112	1.8
						202416	Thực vật học và phân loại TV	2		121	V
						202623	Xã hội học Nông thôn	2		121	0.0
						205101	Bảo vệ môi trường	2			
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 32

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK			
						205105	Khí tượng, thủy văn rừng	3						
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2						
						205111	Sinh thái rừng	3						
						205112	Thực vật rừng	3						
						205115	Phòng chống cháy rừng	2						
						205121	Quản lý sử dụng đất	2						
						205122	Quản lý rừng bền vững	2						
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2						
						205207	Sinh lý thực vật	3						
						205214	Trồng rừng	3						
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2						
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3						
						205309	Đo đạc và bản đồ	2						
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3						
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3						
						205316	Điều tra rừng	3						
						205417	Quản lý lưu vực	2						
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2						
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2						
						213601	Anh văn 1	5						
						213602	Anh văn 2	5						
						NN	Chuẩn đầu ra B1	3				1		
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học							
							Nhóm bắt buộc tự chọn							
68	11147163	LÊ THỊ THÙY	TRANG	DH11QR	120.0	2.77	205214	Trồng rừng	3		141			
							205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 33

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
69	11147099	LƯƠNG THỊ TRANG	DH11QR	134.0	2.86	205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
70	11147169	LÊ NGUYỄN KHÁNH TRÌNH	DH11QR	94.0	2.02	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		133	2.2
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		111	v
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1			
						202623	Xã hội học Nông thôn	2		121	3.0
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2		132	3.4
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		132	0.8
						205214	Trồng rừng	3		141	
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2		132	v
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	4	2		
71	11147055	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	DH11QR	121.0	2.50	202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.8
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
72	11147178	NGUYỄN PHẠM QUỐC TUẤN	DH11QR	137.0	3.16	TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
73	11147056	LÊ NGUYỄN VĂN	DH11QR	50.0	1.24	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		122	2.6
						202112	Toán cao cấp B1	2		121	3.0

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 34

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						202113	Toán cao cấp B2	2		112	3.7
						202623	Xã hội học Nông thôn	2		131	V
						205102	Bệnh hại rừng	2			
						205104	Đất và lập địa	3		131	V
						205106	Kỹ thuật lâm sinh	2			
						205112	Thực vật rừng	3		121	2.9
						205115	Phòng chống cháy rừng	2		131	V
						205121	Quản lý sử dụng đất	2			
						205122	Quản lý rừng bền vững	2			
						205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	0.0
						205207	Sinh lý thực vật	3			
						205214	Trồng rừng	3			
						205217	Bảo tồn đa dạng sinh học	2			
						205308	Thống kê lâm nghiệp	3		121	2.8
						205309	Đo đạc và bản đồ	2		122	3.0
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3			
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3			
						205316	Điều tra rừng	3			
						205417	Quản lý lưu vực	2			
						205418	Quản lý đa dạng sinh học	2		131	V
						205533	Kinh tế tài nguyên môi trường	2			
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	1		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 35

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên học phần	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
							Nhóm bắt buộc tự chọn	10	2		
74	11147179	NGUYỄN QUỐC VIỆT	DH11QR	118.0	2.38	205214	Trồng rừng	3		141	
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
75	11147136	NGUYỄN ĐÌNH VINH	DH11QR	129.0	2.57	205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	2.8
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		
76	11147172	NGUYỄN VĂN VĨNH	DH11QR	103.0	2.23	205202	Côn trùng lâm nghiệp	2		122	2.3
						205214	Trồng rừng	3		141	
						205312	Quy hoạch và điều chế rừng	3		133	3.8
						205314	Thực tập nghề nghiệp	3		133	
						213601	Anh văn 1	5			
						213602	Anh văn 2	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học				
							Nhóm bắt buộc tự chọn	2	2		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 1: 5 TC (Min)

0101.	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1
	203203	Di truyền học đại cương	3
	203516	Vì sinh học đại cương	3
	212110	Khoa học môi trường	2
	214101	Tin học đại cương	3

Nhóm TC 2: 17 TC (Min)

0201.	205107	Lâm luật và CSLN	2
	205212	Động vật rừng	2
	205215	Nông lâm kết hợp	2
	205301	Di truyền và giống cây rừng	3
	205317	Khai thác lâm sản	2

205357	ứng dụng bản đồ số QLTNR	2
205402	Lâm nghiệp xã hội	3
205403	Ngoại ngữ chuyên ngành	3
205406	GIS trong lâm nghiệp	2
205407	Lâm sản ngoài gỗ	2
205429	Tiếp thị sản phẩm NLKH	2
212507	Đánh giá tác động môi trường	2

Nhóm TC 3: 10 TC (Min)

0301.	205906	Khóa luận tốt nghiệp	10
	205909	Tiểu luận tốt nghiệp LN	5
	205910	Lâm sinh học	3
	205917	Quản lý tài nguyên rừng	2

In Ngày 05/03/15

TP.HCM, Ngày 05 tháng 03 năm 2015
Người lập biểu